

V. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		242.884.982.107	236.831.117.755
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.337.982.679	6.417.131.874
1.	Tiền	111	V.01	7.237.982.679	6.417.131.874
2.	Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		220.000.000	4.165.600.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	220.000.000	4.165.600.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194.260.806.526	184.307.439.670
1.	Phải thu khách hàng	131		167.290.283.271	172.141.023.787
2.	Trả trước cho người bán	132		29.698.085.395	13.073.873.809
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.095.602.281	4.412.410.404
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.823.164.421)	(5.319.868.330)
IV.	Hàng tồn kho	140		39.597.771.842	40.667.567.002
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	39.597.771.842	40.667.567.002
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.468.421.060	1.273.379.209
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.247.047	87.335.467
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		503.498.722	296.917.166
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	37.233.294	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		872.441.997	889.126.576

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.974.803.350	66.050.598.102
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		15.230.345.302	17.065.093.276
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	15.201.015.354	11.917.382.544
	- Nguyên giá	222		25.920.631.384	20.897.060.606
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.719.616.030)	(8.979.678.062)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	29.329.948	5.130.254.914
	- Nguyên giá	228		285.800.000	6.819.472.216
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(256.470.052)	(1.689.217.302)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	-	17.455.818
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	1.800.000.000	2.100.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000.000	10.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(8.200.000.000)	(7.900.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		16.660.554.483	522.178.464
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	16.660.554.483	522.178.464
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.11	40.283.903.565	46.363.326.362
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		316.859.785.457	302.881.715.857

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		206.184.425.501	185.124.742.862
I.	Nợ ngắn hạn	310		195.518.126.817	177.642.378.938
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	96.799.834.825	91.160.667.035
2.	Phải trả người bán	312		64.379.665.136	43.647.811.702
3.	Người mua trả tiền trước	313		28.404.184.326	35.371.119.586
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	1.717.879.806	5.552.599.455
5.	Phải trả người lao động	315		395.356.075	553.583.842
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	458.510.342	385.013.852
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	3.362.696.307	971.583.466
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		10.666.298.684	7.482.363.924
1.	Phải trả dài hạn khác	331		4.040.092.724	323.931.257
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	6.626.205.960	2.148.351.096
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	41.831.800
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	4.968.249.771
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.323.895.234	117.387.496.570
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	110.323.895.234	117.387.496.570
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(35.733.197)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		840.866.910	840.866.910
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.516.971.676)	(3.417.637.143)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.18	351.464.722	369.476.426
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		316.859.785.457	302.881.715.857

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.308.915.648
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	+ USD		6.001,90	1.340,40
	+ EUR		8,18	178,39
	+ JPY		2.377.177,00	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Đàm Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	333.592.260.433	424.088.241.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		333.592.260.433	424.088.241.995
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	301.429.480.588	381.300.921.836
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.162.779.845	42.787.320.159
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	977.211.504	5.410.403.928
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	16.114.216.054	30.200.706.541
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.052.112.502	19.912.679.718
8. Chi phí bán hàng	24		8.444.291.328	11.606.219.225
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.454.814.672	12.861.030.855
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.873.330.705)	(6.470.232.534)
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.052.199.320	2.827.441.453
12. Chi phí khác	32	VI.06	2.175.256.612	1.177.599.915
13. Lợi nhuận khác	40		(1.123.057.292)	1.649.841.538
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.996.387.997)	(4.820.390.996)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	120.958.240	489.034.435
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(7.117.346.237)	(5.309.425.430)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(18.011.704)	60.235.788
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(7.099.334.533)	(5.369.661.218)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(592)	(447)

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Đàm Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(6.996.387.997)	(4.820.390.996)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.965.565.936	2.063.875.817
-	Các khoản dự phòng	03		803.296.091	7.846.344.367
-	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		218.664.620	6.331.080
-	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(563.003.702)	(362.527.236)
-	Chi phí lãi vay	06		15.052.112.502	19.912.679.718
3.	Lợi nhuận (lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		10.480.247.450	24.646.312.750
-	Tăng giảm các khoản phải thu	09		(11.596.784.277)	11.802.011.329
-	Tăng giảm hàng tồn kho	10		1.069.795.160	6.183.537.105
-	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		13.495.883.103	(61.948.840.110)
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.936.899.851)	268.975.292
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(15.052.112.502)	(19.912.679.718)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.928.775.991)	(235.678.998)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.437.968.262
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(3.506.934.960)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.468.646.908)	(40.265.329.048)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.830.953.544)	(1.725.934.523)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		770.363.636	295.022.716
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.187.400.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.133.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		408.610.698	283.902.596
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(706.379.210)	(1.147.009.211)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		158.168.948.030	250.732.891.470
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(148.051.925.376)	(250.164.079.538)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.117.022.654	568.811.932
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		941.996.536	(40.843.526.327)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.417.131.874	47.261.356.368
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(21.145.731)	(698.167)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.337.982.679	6.417.131.874

*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Bùi Thị Hồng****Lê Văn Đạt****Đàm Xuân Dũng**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất máy móc và chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);
- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà;
- Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công nghiệp;
- Xúc tiến thương mại và quảng cáo;
- Buôn bán và sửa chữa ô tô;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch các công trình;
- Thiết kế phong cảnh, sân vườn (chỉ thiết kế trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Tư vấn dự án, lập dự án;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2012	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Số 2 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	97,20%	97,20%	97,20%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 8 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phần mềm máy tính

3 – 5 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí cải tạo, sửa chữa tòa nhà thuê tại số 02 Đại Cồ Việt, Hà Nội.
- Chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

09. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.029.287.675	1.518.422.187
- Tiền gửi ngân hàng	6.208.695.004	4.898.709.687
Cộng	7.237.982.679	6.417.131.874

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)		220.000.000		4.165.600.000
Cộng		220.000.000		4.165.600.000

(*) : Số dư cuối năm là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vay.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	3.095.602.281	4.412.410.404
+ <i>Phải thu Công ty Cổ phần Minh Nguyên</i>	<i>2.800.438.000</i>	<i>100.669.698</i>
+ <i>Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vay</i>	-	<i>4.000.000.000</i>
+ <i>Phải thu khác</i>	<i>295.164.281</i>	<i>311.740.706</i>
Cộng	3.095.602.281	4.412.410.404

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.061.280.062	36.224.531.321
- Thành phẩm	93.813.423	130.522.329
- Hàng hoá	1.442.678.357	4.312.513.352
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	39.597.771.842	40.667.567.002

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	37.233.294	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	37.233.294	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.268.924.210	841.320.665	13.351.590.165	1.435.225.566	20.897.060.606
- Mua trong năm	-	110.664.634	510.780.455	44.347.909	665.792.998
- Đầu tư XD CB hoàn thành	5.182.616.364	-	-	-	5.182.616.364
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(103.702.220)	(721.136.364)	-	(824.838.584)
- Phân loại lại tài sản	-	-	145.257.090	(145.257.090)	-
Số dư cuối năm	10.451.540.574	848.283.079	13.286.491.346	1.334.316.385	25.920.631.384
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.008.160.419	841.320.665	5.121.404.161	1.008.792.817	8.979.678.062
- Khấu hao trong năm	452.202.879	40.102.464	1.364.411.702	92.088.875	1.948.805.920
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(103.702.220)	(105.165.732)	-	(208.867.952)
- Phân loại lại hao mòn lũy kế	-	-	48.139.422	(48.139.422)	-
Số dư cuối năm	2.460.363.298	777.720.909	6.428.789.553	1.052.742.270	10.719.616.030
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	3.260.763.791	-	8.230.186.004	426.432.749	11.917.382.544
2. Tại ngày cuối năm	7.991.177.276	70.562.170	6.857.701.793	281.574.115	15.201.015.354

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.424.178.845 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.166.913.492 đồng và 3.659.897.044 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>6.533.672.216</i>	<i>285.800.000</i>	<i>6.819.472.216</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Giảm khác (*)	(6.533.672.216)	-	(6.533.672.216)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>285.800.000</i>	<i>285.800.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.449.507.266</i>	<i>239.710.036</i>	<i>1.689.217.302</i>
- Khấu hao trong năm	-	16.760.016	16.760.016
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác (*)	(1.449.507.266)	-	(1.449.507.266)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>256.470.052</i>	<i>256.470.052</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>5.084.164.950</i>	<i>46.089.964</i>	<i>5.130.254.914</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>29.329.948</i>	<i>29.329.948</i>

(*): Giảm do điều chỉnh lợi thế vị trí địa lý quyền sử dụng đất tại số 02 Đại Cồ Việt sang chi phí trả trước dài hạn.

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công trình số 02 Đại Cồ Việt	-	17.455.818
Cộng	-	17.455.818

09. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty CP Viễn thông Thăng Long (TLC)	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
b- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.200.000.000)		(7.900.000.000)
Cộng	1.000.000	1.800.000.000	1.000.000	2.100.000.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi thế vị trí địa lý QSD tại đất số 02 Đại Cồ Việt	4.430.797.728	-
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng	151.779.727	240.435.326
- Chi phí sửa chữa tòa nhà số 02 Đại Cồ Việt	12.077.977.028	274.912.328

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí khác	-	6.830.810
Cộng	16.660.554.483	522.178.464
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
11. Lợi thế thương mại	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	46.363.326.362	51.012.721.414
- Phát sinh trong năm	-	1.376.358.439
- Phân bổ vào kết quả kinh doanh	6.079.422.797	6.025.753.491
- Số cuối năm (*)	40.283.903.565	46.363.326.362
(*) : Là giá trị lợi thế thương mại phát sinh do mua 97,2% vốn của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á. Thời gian phân bổ lợi thế thương mại là 10 năm.		
12. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	93.012.350.825	89.658.853.403
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>93.012.350.825</i>	<i>89.658.853.403</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội ^(a)	93.012.350.825	89.658.853.403
Vay dài hạn đến hạn trả	3.787.484.000	1.501.813.632
Cộng	96.799.834.825	91.160.667.035
^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hàng hóa được mua và thanh toán bằng các khoản vay trên.		
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra trong nước	1.337.008.284	2.399.087.257
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	153.374.002	151.945.884
- Thuế xuất, nhập khẩu	70.425.152	69.745.096
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.403.343	2.907.987.800
- Thuế thu nhập cá nhân	19.669.025	23.833.418
Cộng	1.717.879.806	5.552.599.455
14. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê nhà xưởng	-	126.000.000
- Chi phí công trình	434.796.802	-
- Chi phí khác	23.713.540	259.013.852
Cộng	458.510.342	385.013.852
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	505.078.633	397.614.305
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.857.617.674	573.969.161
+ Bà Nguyễn Thị Hào	1.447.275.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	650.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam	209.458.333	-
+ Phải trả, phải nộp khác	550.884.341	573.969.161
Cộng	3.362.696.307	971.583.466
		<i>Đơn vị tính: VND</i>

16. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	6.626.205.960	2.148.351.096
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>6.626.205.960</i>	<i>2.148.351.096</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội ^(a)	6.626.205.960	2.148.351.096
Cộng	6.626.205.960	2.148.351.096

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay trung hạn kỳ hạn 3 năm với lãi suất 15%/năm để sửa chữa tòa nhà số 2 Đại Cồ Việt. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác tòa nhà số 2 Đại Cồ Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hội đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	2.700.979.782	840.866.910	1.952.024.075	125.493.870.767
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(5.369.661.218)	(5.369.661.218)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(2.700.979.782)	-	-	(2.700.979.782)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	(35.733.197)	-	-	(35.733.197)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	(35.733.197)	840.866.910	(3.417.637.143)	117.387.496.570
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(7.099.334.533)	(7.099.334.533)
Tăng khác	-	35.733.197	-	-	35.733.197
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	120.000.000.000	-	840.866.910	(10.516.971.676)	110.323.895.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	61.200.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	47.999.000.000	58.800.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của cổ đông thiểu số	336.400.000	336.400.000
Lợi nhuận chưa phân phối, các quỹ	15.064.722	33.076.426
Cộng	351.464.722	369.476.426

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	150.798.149.561	138.800.899.134
- Doanh thu bán thành phẩm	-	4.504.406.428
- Doanh thu hoạt động lắp đặt	177.625.314.631	278.459.508.480
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.168.796.241	2.323.427.953
Cộng	333.592.260.433	424.088.241.995

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	150.666.866.485	138.952.889.888
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	4.282.862.122
- Giá vốn hoạt động lắp đặt	150.335.250.381	238.065.169.826
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	427.363.722	-
Cộng	301.429.480.588	381.300.921.836

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	408.610.698	283.902.596
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	568.600.806	5.126.084.665
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	416.667
Cộng	977.211.504	5.410.403.928

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	15.052.112.502	19.912.679.718
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	533.445.959	2.381.695.743
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	218.664.620	6.331.080
- Dự phòng các khoản đầu tư	300.000.000	7.900.000.000
- Chi phí tài chính khác	9.992.973	-
Cộng	16.114.216.054	30.200.706.541

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	770.363.636	295.022.716
- Nhà cung cấp hỗ trợ bán thanh lý hàng hóa	-	1.743.229.246
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	680.682.240
- Thu nhập khác	281.835.684	108.507.251
Cộng	1.052.199.320	2.827.441.453

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	615.970.632	216.398.076
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	1.206.246.071	-
- Chi phí khác	353.039.909	961.201.839
Cộng	2.175.256.612	1.177.599.915

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu	146.938.196	489.034.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(25.979.956)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	120.958.240	489.034.435

*Đơn vị tính: VND***08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(7.099.334.533)	(5.369.661.218)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.099.334.533)	(5.369.661.218)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(592)	(447)

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.362.908.728	239.203.227.044
- Chi phí nhân công	7.923.218.816	10.980.955.483
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.965.565.936	1.618.011.629
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.890.836.279	11.069.693.840
- Chi phí khác bằng tiền	3.319.230.179	3.614.974.784
Cộng	175.461.759.938	266.486.862.780

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cho Công ty vay trong năm	-	4.100.000.000
Công ty đã trả nợ trong năm	279.759.804	4.350.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	-	279.759.804
Cộng nợ phải trả	-	279.759.804

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thù lao	1.096.431.000	1.905.052.000
Cộng	1.096.431.000	1.905.052.000

1.2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (trước là Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung)	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty cùng tập đoàn Alphanam

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Foodionco Miền Trung		
Thuê văn phòng và điện nước	85.630.160	72.000.000
Bán hàng	40740738	-
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn		
Mua ô tô	450.000.000	-
Mua hàng	-	394.256.771
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Mua thang máy, lắp đặt	16.042.537.948	63.120.236.619
Bán hàng	14.059.375.582	36.870.650
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		
Nhập mua tủ điện	149.383.855	58.752.000
Bán hàng	3.360.393	9.569.298.037
Cho thuê xe	2.034.000	-
Cho vay	3.000.000.000	-
Lãi vay	13.291.667	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam		
Thuê thi công xây dựng nhà	2.909.033.636	-
Bán hàng	30.807.105.444	18.427.829.000
Cho thuê ô tô	-	216.000.000
Mua hàng	-	9.642.291.242

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	1.292.813.767	7.362.951.183
Thuê cung cấp dịch vụ	2.238.000	238.226.000
Bán hàng	4.107.147	3.983.000
Cung cấp dịch vụ	695.538.000	684.000.000
Thu tiền cho vay	7.000.000.000	2.500.000.000
Chi tiền cho vay	7.000.000.000	6.500.000.000
Lãi tiền đi vay	190.416.667	-
Thu lãi tiền vay	45.020.833	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Người mua trả tiền trước	9.518.351.586	-
Phải thu khác	49.522.917	4.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	220.000.000	-
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Phải thu khách hàng	116.811.323	-
Trả trước cho người bán	1.073.704.932	3.398.414.565
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam		
Phải thu khác	46.312.333	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinconex – Alphanam		
Phải thu khách hàng	29.575.344.365	505.359.124
Phải thu khác	-	209.722.557
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		
Phải thu khách hàng	2.237.400	-
Trả trước cho người bán	2.835.677.759	-
Cộng nợ phải thu	43.437.962.615	8.113.496.246
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Phải trả người bán	1.454.761.755	501.022.865
Phải trả, phải nộp khác	209.458.333	-
Người mua trả tiền trước	9.518.351.586	3.257.996.520
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung		
Phải trả người bán	236.537.986	542.344.810
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn		
Phải trả người bán	885.235.427	1.493.309.284
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Phải trả người bán	9.918.659.751	10.709.497.947
Người mua trả tiền trước	-	72.234.625
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam		

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	11.113.280	-
Người mua trả tiền trước	16.112.800	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam

Phải trả người bán	972.139.320	3.181.507.436
Người mua trả tiền trước	-	505.359.124

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

Người mua trả tiền trước	-	3.696.432
--------------------------	---	-----------

Cộng nợ phải trả	<u>23.222.370.238</u>	<u>20.266.969.043</u>
-------------------------	------------------------------	------------------------------

02. Thuê hoạt động

Hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	7.513.200.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	30.052.800.000	-
Trên 5 năm	4.382.700.000	-
Cộng	<u>41.948.700.000</u>	<u>-</u>

Công ty cho Công ty Cổ phần thế giới số Trần Anh thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Khu vực miền bắc	Khu vực miền trung	Khu vực miền nam	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	213.367.153.825	71.985.546.850	48.239.559.758	333.592.260.433
- Chi phí trực tiếp	189.282.485.309	67.331.271.564	44.815.723.715	301.429.480.588
- Chi phí phân bổ	32.441.167.424	3.350.007.763	2.244.935.362	38.036.110.550
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.356.498.908)	1.304.267.523	1.178.900.681	(5.873.330.705)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	13.099.112.332	3.343.576.783	2.240.625.780	18.683.314.895
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.267.638.577	434.081.873	290.890.594	2.992.611.044
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	113.320.713.509	65.132.718.586	32.414.946.235	210.868.378.330
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	57.367.412.303	24.720.262.226	16.565.749.919	98.653.424.448
- Tài sản không phân bổ				7.337.982.679
Tổng tài sản	170.688.125.812	89.852.980.812	48.980.696.154	316.859.785.457
- Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	53.954.435.971	28.234.978.739	8.030.795.241	90.220.209.951
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	67.408.577.301	29.046.690.456	19.508.947.792	115.964.215.550
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	121.363.013.272	57.281.669.195	27.539.743.033	206.184.425.501

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Khu vực miền bắc	Khu vực miền trung	Khu vực miền nam	Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	232.854.592.842	143.454.413.522	47.779.235.631	424.088.241.995
- Chi phí trực tiếp	216.315.364.122	123.281.606.353	41.703.951.361	381.300.921.836
- Chi phí phân bổ	28.928.190.673	15.250.123.180	5.079.238.840	49.257.552.693
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.388.961.953)	4.922.683.989	996.045.430	(6.470.232.534)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.504.409.104	738.472.585	1.568.651	2.244.450.340
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.325.796.823	781.632.565	260.470.734	2.367.900.122
Số dư cuối năm trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	135.728.034.876	39.117.406.209	16.745.104.098	191.590.545.183
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	25.914.235.310	15.796.172.036	5.261.107.046	46.971.514.392
- Tài sản không phân bổ				64.319.656.282
Tổng tài sản	161.642.270.186	54.913.578.245	22.006.211.144	302.881.715.857
- Nợ phải trả bộ phận	65.334.238.040	17.369.399.083	1.862.037.284	84.565.674.407
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	52.477.162.407	31.987.757.903	10.653.911.473	95.118.831.783
- Nợ phải trả không phân bổ				5.440.236.672
Tổng nợ phải trả	117.811.400.447	49.357.156.986	12.515.948.757	185.124.742.862

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực dịch vụ cho thuê

	Xây lắp	Thương mại	Dịch vụ cho thuê	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	177.625.314.631	150.798.149.561	5.168.796.241	333.592.260.433
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	196.565.683.264	115.515.623.078	4.778.479.115	316.859.785.457
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	11.093.500.996	7.305.684.172	284.129.727	18.683.314.895
Năm trước				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	305.633.135.880	115.753.433.099	2.701.673.016	424.088.241.995
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	171.258.530.442	67.103.664.156	199.864.977	238.562.059.575
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	1.504.409.104	738.472.585	1.568.651	2.244.450.340

04. Tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.337.982.679	6.417.131.874	7.337.982.679	6.417.131.874
Phải thu khách hàng	167.290.283.271	172.141.023.787	161.467.118.850	166.821.155.457
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.000.000	4.165.600.000	220.000.000	4.165.600.000
Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	1.800.000.000	2.100.000.000
Phải thu khác	3.095.602.281	4.412.410.404	3.095.602.281	4.412.410.404
Cộng	187.943.868.231	197.136.166.065	173.920.703.810	183.916.297.735
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	64.379.665.136	43.647.811.702	64.379.665.136	43.647.811.702
Vay và nợ	103.426.040.785	93.309.018.131	103.426.040.785	93.309.018.131
Chi phí phải trả	458.510.342	385.013.852	458.510.342	385.013.852
Phải trả dài hạn khác	4.040.092.724	323.931.257	4.040.092.724	323.931.257
Các khoản phải trả khác	3.362.696.307	971.583.466	3.362.696.307	971.583.466

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Cộng	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	175.667.005.294	138.637.358.408	175.667.005.294	138.637.358.408

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do trình trạng thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính cho của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	64.379.665.136	-	64.379.665.136
Vay và nợ	96.799.834.825	6.626.205.960	103.426.040.785
Chi phí phải trả	458.510.342	-	458.510.342
Các khoản phải trả khác	3.362.696.307	4.040.092.724	7.402.789.031
Cộng	165.000.706.610	10.666.298.684	175.667.005.294
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	43.647.811.702	-	43.647.811.702
Vay và nợ	91.160.667.035	2.148.351.096	93.309.018.131
Chi phí phải trả	385.013.852	-	385.013.852
Các khoản phải trả khác	971.583.466	323.931.257	1.295.514.723
Cộng	136.165.076.055	2.472.282.353	138.637.358.408

07. Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Đàm Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của
Công ty**



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn